

Đại Kinh Nguyên Thủy

Bài 09: Kinh Đế Thích Sở Vấn - Phần 2

(Kinh Trường Bộ DN 21)

Nhận diện từng bước của quá trình sinh khởi phiền não.

Giảng ngày: 02/09/2026

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang.

Link YouTube và <https://www.youtube.com/watch?v=lyYM83hvkL8>

mạng xã hội Facebook: Fanpage Thích Thiện Trang

<https://www.facebook.com/suthaythichthientrang>

Nam Mô Như Lai, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là bài 09, trong loạt bài chia sẻ về Đại Kinh Nguyên Thủy, tức là những bài kinh lớn, những bài kinh dài trong kinh Nguyên thủy.

Hôm nay chúng ta sẽ đến phần hai của bài Kinh Đế Thích Sở Vấn, đây là bài Kinh thứ 21, trong Kinh Trường Bộ. Hôm trước chúng ta đã học đến đây rồi, tức là **Nhận diện từng bước của quá trình hình thành hay sinh khởi phiền não. Con đường để trừ phiền não.** Đó là từ tưởng hý luận dẫn đến Tâm -> Tâm dẫn đến Dục -> Dục dẫn đến ưa ghét -> từ ưa ghét dẫn đến Tật đổ, xan tham -> từ Tật đổ, xan tham dẫn đến là hận thù đả thương, thù nghịch ác ý.

Quý vị nhớ câu chuyện chúng ta mới học tuần trước không ạ? Chắc quý vị nhớ! Đó là về câu chuyện vua trời Đế Thích muốn đánh lễ Đức Phật, cho nên đã sai một vị con của Càn-thát-bà đến để hát đàn, giống như mở đầu, sau đó gặp Phật và từ đó kể ra câu chuyện. Vua trời Đế Thích mới kể ra câu chuyện là: có một người con gái dòng họ Thích, là một người nữ Cư sĩ, thường thân cận cúng dường ba vị Tỳ-kheo. Ba vị Tỳ-kheo tu theo Đức Phật, nhưng sau khi hết đời đó thì ba vị đó lại sanh làm người hầu của cô. Bởi vì cô trở thành là con trai của vua trời Đao Lợi. Và do đó cô thấy bất mãn nên cô mới nói lời khiển trách, thì [hai trong] ba vị đó đã phát tâm tu hành. Hai vị tinh tấn tu hành, từ thân trong đội ngũ Càn-thát-bà của trời Đế Thích đã chuyển thành Phạm Thiên, cụ thể là tầng trời Phạm Phụ. Và các vị ấy đã chứng quả Tam quả A-na-hàm. Đó là câu chuyện như vậy.

Phần 2

[Đoạn 17: Con đường diệt trừ các tướng hý luận].

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo phải chứng đạt như thế nào, phải thành tựu con đường nào, mới thích hợp và hướng đến sự diệt trừ các loại tướng hý luận?

- Nay Thiên chủ, Ta nói hý có hai loại, một loại phải thân cận, một loại phải tránh xa. Nay Thiên chủ, Ta nói ưu cũng có hai loại, một loại phải thân cận, một loại phải tránh xa. Nay Thiên chủ, Ta nói xả cũng có hai loại, một loại phải thân cận, một loại phải tránh xa.

Này Thiên chủ, Ta nói hỷ cũng có hai loại, một loại phải thân cận, một loại phải tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do nhân duyên gì tuyên bố như vậy?

Hôm trước chúng ta đọc tới đây, bữa nay chúng ta nhắc lại thôi. Đức Phật nói, đối với ba điều: Hỷ (hỷ tức là niềm vui trong tâm), ưu (là khó chịu trong tâm), và xả (xả là không có hỷ, không có ưu), thì mỗi loại có những thứ thân cận, tức là nên tiếp xúc, nên gần gũi, còn có loại thì nên tránh xa. Chúng ta đang học chỗ đó.

[Đoạn 18: Loại Hỷ nào nên thân cận hay tránh xa]

Đức Phật nói:

Ở đây, loại hỷ nào có thể biết được: "Khi thân cận với hỷ này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì hỷ ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại hỷ nào có thể biết được: "Khi thân cận với hỷ này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì hỷ ấy nên thân cận.

[Hỷ] tức là niềm vui trong tâm, có hai loại: Đức Phật nói một loại nên tránh xa, đó là gì? Tức là khi thường xuyên thân cận với hỷ này, mà làm cho các pháp bất thiện tăng, các pháp thiện thì giảm, thì nên tránh xa. Đơn giản thôi, dễ lắm! Nhiều người không hiểu thế nào là thiện pháp hỷ mà làm cho bất thiện pháp tăng thêm, thiện pháp suy giảm. Cho quý vị ví dụ: Trong cuộc sống chúng ta có những niềm vui, vui kiểu gì? Ví dụ như

quý vị háo thắng người ta mà vui, tức là thấy mình vui nhưng vui trên sự thắng cuộc người ta (thắng là háo thắng mà vui), thì niềm vui đó làm cho thiện pháp giảm đi, còn bất thiện tăng đúng không ạ? Hỷ đó, Đức Phật nói nên tránh xa.

Hoặc là mình thấy thế gian có nhiều niềm vui, ví dụ như coi đấu bò tốt, có hai con bò húc nhau như vậy mà người ta vui, thì hỷ đó là gì? Hỷ đó làm thiện pháp suy giảm, tại vì mình coi sát sanh đấu đá nhau, mà bất thiện pháp thì tăng thêm, huân tập thêm cho tính đấu tranh. Nghiệp bất thiện như vậy thì Đức Phật nói nên tránh xa.

Thứ hai, hỷ nào (tức là niềm vui nào) mà mang đến thiện pháp tăng thêm, còn bất thiện pháp (tức là pháp bất thiện) giảm đi, thì ta nên thân cận. Vậy niềm vui nào? Rất nhiều niềm vui đúng không ạ? Ví dụ niềm vui khi nghe pháp, mình nghe pháp xong mình vui. Nghe pháp đây là Chánh pháp của Đức Thế Tôn mình nghe mình vui.

Giống như câu chuyện trong bài Kinh này, mình nghe thấy câu chuyện ba vị Tỳ-kheo với cô nữ Cư sĩ dòng họ Thích đó. Mình nghe như vậy mình thấy vui. Mình nghe, mình biết là lên cõi Trời còn tu tập được, nghe như vậy mình thấy vui. Thì pháp đó là pháp nên thân cận. Vậy nghe pháp thấy vui thì nên thân cận. Còn nếu nghe pháp mà không thấy vui, nghe Chánh pháp Thế Tôn mà không thấy vui, thì chứng tỏ là mình rơi vào trường hợp khác, đó là Ưu. Thì chúng ta phải tính trường hợp khác, đó là không vui, còn đây là đang nói vui nha!

Ở đây, có hỷ câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có hỷ không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại hỷ không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn. Nay Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do nhân duyên như vậy.

Ở đây, Đức Phật giải thích thêm có hai [loại] hỷ. Ở đây dịch câu chữ hơi dài, chữ ‘câu hữu’ thật ra là ‘đi kèm, đi cùng với’. Ai mà biết chữ Pali, thì **savitakkam** là gồm: (tiền tố) ‘sa’ này dịch là ‘có, đi cùng, kèm với’; còn **vitakka** là Tầm. Như vậy chữ **savitakkam** [nghĩa] là ‘có Tầm’. Tương tự **savicāram** dịch là ‘có Tứ’. Như vậy ở đây, [hai loại hỷ]: Một [loại] hỷ (niềm vui nào) có Tầm có Tứ, và niềm vui không có Tầm không có Tứ.

Đơn giản, ai học chi thiền của Sơ thiền, Nhị thiền thì biết [những điều] này đúng không? Thế nào là Tầm, thế nào là Tứ. Sơ thiền là một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tầm có Tứ. Thì chữ Tầm Tứ là như vậy.

Thế nào là niềm vui có Tầm có Tứ? Tức là khi mình vui, nhưng mình có sự suy xét và tập trung suy xét. Ví dụ quý vị nghe pháp mà cảm thấy vui, xong rồi quý vị nghĩ pháp này là Chánh pháp của Đức Thế Tôn, pháp này hay... Quý vị toàn suy nghĩ trong pháp như vậy, đó là có Tầm có Tứ. Tầm là hướng về pháp đó, Tứ là tập trung vào pháp đó. Như vậy đó gọi là hỷ có Tầm có Tứ.

Rồi hỷ không Tầm không Tứ là sao? Hỷ không Tầm không Tứ, ví dụ như mình nghe pháp, xong rồi mình thấy vui, [nhưng] mình không có suy

nghĩ gì về pháp đó gì nữa hết, không có suy nghĩ gì hết, giống như thả lỏng vậy. Như vậy là niềm vui trong sự thanh tịnh, thì Đức Phật nói [Hỷ] không Tầm không Tứ là thù thắng hơn. Trong các hỷ, hỷ còn Tầm còn Tứ vẫn là chưa tốt bằng không có Tầm, Tứ.

Cho nên nghe pháp là thiện pháp rồi, nhưng không Tầm không Tứ tức là nếu hỷ rồi thì đừng tầm, đừng tư duy, đừng suy nghĩ ở trong Tầm Tứ đó nữa thì tốt hơn. Nhưng tất nhiên chúng ta chưa làm được thì chúng ta cứ làm từng bước. Đó là nói về nghe pháp.

Còn hỷ ở thế gian cũng có Tầm có Tứ nữa đúng không? Tầm Tứ là bắt đầu suy nghĩ, ví dụ người ta khen mình một câu, quý vị thích nghe khen, nghe khen xong quý vị vui đúng không? Vui thôi, xong rồi quý vị không có suy nghĩ tới việc đó, gọi là không Tầm không Tứ. Còn Tầm Tứ là quý vị vui xong rồi, quý vị nghĩ tới thế này [thế kia], người đó khen có thật lòng hay không, v.v... nghĩ tùm lum, tập trung vào những lời khen đó, phân tích, thì có Tầm có Tứ. Như vậy chúng ta hiểu rồi nha! Đoạn này không có khó gì.

Đức nói hỷ có hai loại:

[+ Hỷ nào mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện giảm thì nên thân cận.

+ Hỷ nào mà pháp thiện giảm, pháp bất thiện tăng thì nên tránh xa] .

Nói ngược lại với trên này, để thiện trước, bất thiện sau.

[Đoạn 19: Loại Ưu nào nên thân cận hay tránh xa]

Ở trên này, quý vị thấy bảng này chúng ta có sửa một chữ so với ngài Minh Châu. Ngài Minh Châu dịch là ‘khi tôi thân cận’, ở chỗ này chữ ‘tôi’ không cần thiết nên mình bỏ chữ ‘tôi’ đi, để ‘khi thân cận’ thôi.

Này Thiên chủ, Ta nói ưu cũng có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do nhân duyên gì, tuyên bố như vậy? Ở đây, **loại ưu nào có thể biết được: "Khi thân cận với ưu này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì ưu ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại ưu nào có thể biết được: "Khi thân cận với ưu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì ưu ấy nên thân cận.**

Tương tự ở trên thôi, đổi chữ hỷ thành chữ ưu, nên chúng ta đọc nhanh. Ưu là gì? Ưu là sự khó chịu ở trong tâm. Vậy thì trong sự khó chịu, Đức Phật nói ưu nào (khó chịu nào) mà làm cho các pháp bất thiện tăng thêm, các pháp thiện giảm, như vậy nên tránh xa.

Quý vị hiểu không ạ? Rất dễ! Ví dụ bây giờ ưu là khó chịu, [có] khó chịu nào mà khiến cho các pháp ác tăng thêm, pháp thiện suy giảm, có không? Có chứ! Trong cuộc sống mình có nhiều khó chịu mà. Ví dụ như mình sân lên, khó chịu là sân đúng không ạ? Mình sân vì đứa con không học tốt, quý vị sân lên như vậy, thì pháp thiện tăng hay giảm? Thiện bị giảm đúng không? Còn bất thiện thì tăng. Vậy thì ưu đó nên tránh xa, tức là đừng để sân như vậy nữa.

Còn lại ưu nào mà [làm] thiện pháp tăng, bất thiện pháp giảm. Thường mình nói ưu lúc nào cũng đâu có chuyện đó, đúng không ạ?

Nhưng không! Đức Phật nói có, ưu có khi khó chịu, nhưng thiện pháp tăng, sao kỳ vậy? Tại vì thật ra có những thứ thế này, ví dụ khi bị chê thì khó chịu, thông thường phàm phu là khó chịu đã đúng không? Vậy là ưu này. Sau đó thì sao? Sau đó mình suy nghĩ rằng: họ chê đúng rồi, họ nói như vậy đúng rồi. Như vậy sau khi mình suy xét, mình nhận được lỗi đó, hoặc mình suy xét đó chỉ là lời nói thôi, nói chung mình nhẹ nhàng, mình tiếp nhận được sau sự sân đó. Thì [sự] ưu đó rõ ràng là tăng thiện pháp, bởi vì sau đó mình nhận ra mình đã sân, và mình đã tư duy theo hướng tốt. Đó là thiện pháp tăng trưởng, mặc dù là sân lúc đầu, nhưng sau đó thiện pháp tăng trưởng, bất thiện giảm.

Điều này nhiều người không làm được, khi bị nói một chút ít, nói như trong kinh là người nữ khi bị nói dù một chút ít thôi cũng sừng sộ, nổi giận, nổi tức. Người nữ hay có tính này. Điều này là bất thiện. Quý vị nhớ là càng suy nghĩ nhiều thì có Tầm có Tứ nữa, thì càng tệ hơn nữa. Cho nên sân, thà không Tầm không Tứ, sân xong đừng suy nghĩ về lời đó nữa. Mà không biết nói có vợ đũa cả nắm không, nhưng thấy có nhiều người nữ, không phải tất cả, có tập khí là khi bị người ta chê một điều gì đó, dù trước đó nói rất ngon là vô ngã, ngay cả người tu đó nha, nhưng sau đó khi bị chê thì thông thường có tính trả thù, tìm cách moi móc nói lại cho bằng được. Loại ưu đó là có Tầm có Tứ, ưu này đem đến pháp bất thiện tăng trưởng, mà pháp thiện thì giảm. Lấy luôn ví dụ cho quý vị thấy giống như vậy.

Đoạn sau này, Đức Phật chỉ nói có Tầm có Tứ nữa thôi:

Ở đây, có ưu câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có ưu không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại ưu không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn (cho nên chấm dứt cái ưu đó thì tốt lên liền. Chữ lúc đó còn ưu nữa, còn suy nghĩ lung tung nữa thì không tốt đúng không ạ?). **Này Thiên chủ, Ta nói ưu có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy, là do nhân duyên như vậy.**

Như vậy tóm lại đoạn này:

[+ Ưu nào mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện giảm thì nên thân cận.

+ Ưu nào mà pháp thiện giảm, pháp bất thiện tăng thì nên tránh xa] .

Phàm phu chắc chắn phải có ưu thôi. Nhiều người nói tôi không có sân. Xin lỗi, không có vụ "không có sân", khó chịu là sân. Quý vị nói không sân là quý vị Tam quả A-na-hàm nha! Cho nên mấy người chỉ là vọng ngữ thôi, đó là vọng ngữ mà không biết, không cố ý vọng ngữ. Nhưng nói điều không biết, tâm đó thật ra không phải tâm sân mà là tâm si, mình không thấy rõ pháp. Nhiều người nói ‘con đâu có sân đâu thầy’. Xin lỗi, không sân là Tam quả A-na-hàm, cho người ta lay được rồi. Phải Tam quả A-na-hàm mới được hoặc Tứ quả A-la-hán. Mà Tứ quả A-la-hán không có tại gia rồi, mà là người xuất gia. Tứ quả A-la-hán, sau khi chứng là phải đi xuất gia. Cho nên không có chuyện đó.

Chúng ta tiếp tục tới đoạn tiếp theo:

[Đoạn 20: Loại Xả nào nên thân cận hay tránh xa]

Này Thiên chủ, Ta nói xả cũng có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do nhân duyên gì, tuyên bố như vậy?

Đức Phật nói với vua trời Đế Thích, cũng giống như trên thôi, chúng ta nghe tiếp.

Ở đây, loại xả nào có thể biết được: "Khi thân cận với xả này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì xả ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại xả nào có thể biết được: "Khi thân cận với xả này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì xả ấy nên thân cận.

Cũng y chang như trên thôi. Nói chung đổi một chữ thôi, chữ đầu tiên là hỷ, sau đó đổi tới ưu, bây giờ đổi tới xả. Chúng ta nhớ, kinh Nguyên thủy nói lặp đi lặp lại nhiều vậy, nhưng thực ra có bấy nhiêu đó thôi.

Xả là trạng thái tâm quân bình, không khó chịu (không ưu), không dễ chịu (không hỷ). Trạng thái đó gọi là xả. Xả như thế nào? Xả nào khiến cho thiện pháp tăng trưởng, bất thiện giảm, bây giờ lấy ví dụ được không? Chắc nghĩ không ra đúng không quý vị? Dễ thôi, ví dụ bị người ta chửi thì ngay lập tức mình xả liền, mình không quan trọng [lời] chửi đó, coi như không có gì. Xả đó giúp cho tăng thiện pháp và bất thiện pháp giảm đúng không ạ? Tại vì mình đâu có sân, mình thấy bình thường, xả được ngay, không có gì hết, không có quán luôn. Như vậy xả đó làm pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện giảm.

Ngược lại, có những [sự] xả mà pháp bất thiện tăng, pháp thiện lại giảm. Xả nào? Có chứ! Ví dụ mình thấy một người khổ đau, mình xả luôn, thôi kệ họ, nghiệp ai lấy lãnh, tôi không quan tâm, tôi chả quan tâm gì hết, họ nói vậy. Trong tâm mình nghĩ vậy, mình xả mà, xả thật, không để ý tới nữa, mặc dù mình có cơ hội giúp đỡ, mình có khả năng. Như vậy sự xả đó là thiện pháp giảm, bất thiện pháp tăng. Xả như vậy không nên thân cận, nên tránh xa, nên tránh xả như vậy.

Tương tự, ở đằng sau nói về xả có Tầm có Tứ, xả không Tầm không Tứ, cũng như vậy thôi.

Ở đây, có xả câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có xả không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại xả không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn. Nay Thiên chủ, Ta nói rằng xả có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do nhân duyên như vậy.

Cũng như vậy, xả có Tầm có Tứ là sao? Tức là sau khi mình xả rồi, mình suy nghĩ về vấn đề đó. Ví dụ hồi nãy thấy người khổ đau, tai nạn gì đó, mình thấy vậy rồi kêu thôi xả. Sau đó mình nghĩ xả là đúng, nghiệp ai người ấy lãnh mà, thế này thế kia, mình nghĩ một hồi, do mình không có khả năng... Mình cứ tới việc đó nhưng mình xả, mình không khó chịu nha, mình chỉ nghĩ vậy thôi. Như vậy là xả có Tầm có Tứ. Tầm là hướng đến việc đó, Tứ là tập trung vào việc đó.

Còn xả không Tầm không Tứ là sao? Cũng vậy, đáng lẽ giúp đỡ người ta, nhưng nghĩ không giúp đỡ gì hết, quên luôn, không để ý tới nữa,

xả luôn hoàn toàn, gọi là xả không Tầm không Tứ. Nhưng không phải xả không Tầm không Tứ lúc nào cũng tốt đâu nha! Có những [sự] xả chưa chắc tốt. Ví dụ quý vị nghe người ta góp ý xong, quý vị nói: “Ôi đáng gì đâu, xả, không khó chịu gì hết”. Nhưng trong sự xả của quý vị có [ý nghĩ]: “chả có gì hết, lời nói gió bay”. Nói chung trong đầu không thêm để ý lời góp ý của người ta, đúng sai gì không cần biết luôn, người ta góp ý đúng mà mình cũng xả luôn. Như vậy xả đó là bất thiện nha! Tại vì cái đúng thì mình phải tiếp nhận chứ, không phải mình xả là được. Cho nên xả đó không được, phải xả đúng.

Cho nên Đức Phật quy ra phải lấy tiêu chuẩn thiện ác để có được. Thiện ác thế nào? Thiện là thế nào, bất thiện là thế nào, đã định nghĩa trong một bài kinh, Đức Phật nói: *Các pháp nào, việc nào làm cho có lợi ích cho mình, có lợi ích cho người, hoặc có lợi ích vừa cho mình vừa cho người, thì đó là thiện. Còn các pháp nào không có lợi ích cho mình, hoặc không lợi ích cho người, hoặc cả hai (không lợi ích cho cả mình và người), nói chung có một cái không lợi ích thì [pháp đó] là không có thiện rồi.*

Cho nên từ đó mới có pháp lẫn lộn đen trắng, là sao? lẫn lộn đen trắng là vừa thiện vừa ác lẫn lộn. Đôi khi mình làm một việc đó mà có lợi ích cho mình, nhưng bất lợi cho người. Trong đó thiện cũng có, có thiện dành cho mình, nhưng bất thiện là do mình làm bất lợi cho người khác (không có lợi ích cho người khác). Ngược lại, có khi thiện cho người nhưng không có thiện cho mình, như vậy cũng là ác đối với mình. Pháp đó là lẫn lộn đen trắng. Đôi khi trong việc đó vừa lợi ích cho mình, nhưng

cũng có không lợi ích cho mình, cũng là pháp lẫn lộn đen trắng, nghiệp lẫn lộn đen trắng.

Cho nên phức tạp lắm, mình học nghiệp thì phải học kỹ như vậy, chứ không, mơ mơ màng màng rồi mình tu không được. Tu không được là do nghi ngờ, do dự. Cho nên bậc chưa thành Sơ quả Tu-đà-hoàn có những nghi ngờ về pháp, khi mình làm một việc gì đó thì mình chưa biết là mình đúng hay sai. Còn khi là bậc Tu-đà-hoàn thì xác định đúng sai trong thiện, bất thiện là Ok, không khó.

Ở đây tổng kết:

[+ Xả nào mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện giảm thì nên thân cận.

+ Xả nào mà pháp thiện giảm, pháp bất thiện tăng thì nên tránh xa] .

[Đoạn 21: Thiên chủ sakka tín nhận] .

Này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo phải chứng đạt như vậy, phải thành tựu con đường như vậy, mới thích hợp và hướng dẫn đến sự diệt trừ các loại tưởng hý luận.

Ở đây, chúng ta thấy đức Phật nói lại thôi.

Đó là hình thức câu trả lời của Thế Tôn cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn và nói:

- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan.

Tóm tắt đoạn này là gì? Vua trời Đế Thích nghe như vậy, ông cảm thấy rất vui mừng, sung sướng, ông nói: Thật tuyệt vời, đúng là như vậy, như vậy, ông khen đức Phật.

Đoạn này mình chỉ cần nhớ đơn giản hai câu thôi:

[+ Đối với hỷ, ưu, xả nào mà khiến pháp bất thiện tăng thêm, pháp thiện suy giảm thì nên tránh.

+ Đối với hỷ, ưu, xả nào mà khiến pháp thiện tăng thêm, pháp bất thiện suy giảm thì nên thân cận]. (Tức là thân cận thường xuyên).

[Đoạn 22: Thiên chủ sakka nêu câu hỏi thứ 2].

Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ câu trả lời của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo phải thực hành như thế nào để thành tựu Biệt giải thoát Luật nghi?

Ở đây, chúng tôi cố gắng sử dụng bản dịch rõ nhất. Chúng tôi khi coi bản dịch, có nhiều khi đọc không hiểu, cho nên chúng tôi coi lại chánh văn Pali, và đã sửa lại một số [chỗ trong] bản dịch, chỗ nào sửa chúng tôi thì dùng chữ màu đen. Còn chữ màu xanh là chữ của bản dịch của ngài Minh Châu. Cho nên chỗ này câu hỏi là: Vị Tỷ-kheo phải thực hành như thế nào để thành tựu Biệt giải thoát Luật nghi?

Nhiều người nghe nói ‘Biệt giải thoát Luật nghi’ thì không hiểu là gì. Thật ra trong chánh văn Pali là Pātimokkha, dịch ra là Giới, có khi dịch là Giới bốn, có khi là Giới luật. Chữ Giới luật, Giới bốn cũng là một cách dịch thôi, có khi dịch là Biệt giải thoát. Cho nên ngài Minh Châu dịch là Biệt giải thoát Luật nghi. Tức là phải thực hành thế nào để đạt đến giải thoát về Giới luật, thực ra nói đơn giản là thành tựu được Giới luật. Bởi vì khi thực hành thành tựu thì được những sự giải thoát nhất định.

Ví dụ quý vị khi thực hành giữ được giới không tà dâm, thì quý vị được giải thoát là không có lòng ham muốn dâm dục bất chính đáng. Như vậy thì quý vị sẽ không bị nó sai sử trói buộc. Ví dụ như đi ra ngoài gặp người này người kia dụ dỗ hay gì, thì quý vị sẽ không làm những việc xấu về việc tà dâm, tà hạnh. Từ đó gia đình hạnh phúc, quý vị không sợ sệt khi phạm giới v.v...

Hoặc mình không trộm cắp, mình giữ giới không trộm cắp thì mình sẽ thành tựu được sự giải thoát, đầu tiên là yên tâm, đi đâu cũng không sợ, bởi vì không có ai nghi ngờ mình. Mình cũng không sợ bị người ta đổ oan, bởi vì mình có bằng chứng. Đặc biệt thời nay dễ trưng bày được bằng chứng đúng không ạ? Thứ hai là mình cũng không bao giờ sợ sệt, bởi vì lương tâm mình rất rõ ràng, mình đâu có phạm giới đó, mình đâu có làm việc trộm cắp đó. Đến lúc lâm chung yên tâm, bởi vì nghiệp của mình tốt rồi, nên không có trạo cử, hối hận gì hết. Còn lúc đó khởi lên nghiệp đó là bắt đầu sợ hãi, nên tâm thần tán loạn. Cho nên đó là thành tựu của giữ giới.

Thực hành như thế nào?

- Nay Thiên chủ, Ta nói rằng **thân hành** có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Nay Thiên chủ, Ta nói rằng **khẩu hành** có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Nay Thiên chủ, Ta nói rằng **tâm cầu** có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa.

Ở đây, Đức Phật nói về ba điều: Thân hành, khẩu hành, và chắc chắn mọi người sẽ quen đọc luôn là ý hành. Nhưng không phải! Thân hành, khẩu hành và tâm cầu.

Thân hành ở đây là gì? Thân hành, khẩu hành này không phải thân hành, khẩu hành trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức nha! Ở đây xin nói lại, thân hành trong bài này nghĩa là cách hành xử về thân, khẩu hành là cách hành xử về đời. Chứ không phải là Thân hành, Khẩu hành, Ý hành ở trong Hành của Ngũ uẩn. Cho nên đừng có nhầm, đọc vô lại cứ tưởng hành đó. Vì sao? Trong bản Pali, chữ thân hành này là (**kāyasamācāra**), còn chữ Thân hành trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là (**kāyasaṅkhāra**). Chữ trên với chữ dưới khác nhau, không giống. Thực ra do ngài Minh Châu dịch thôi, dịch trùng chữ. Thực ra có thể dịch thành chữ khác, nhưng bây giờ lỡ người ta dùng trùng chữ rồi thì mình dùng luôn. Nhưng mình giải thích, mình hiểu ý nghĩa trong đó. Cho nên ở đây thân hành này không có viết hoa thì đúng hơn.

Thân hành ở đây là những việc làm về thân, những cách cư xử, cách hành xử của thân thôi. [Thân hành] có hai loại: Một loại nên thân cận,

một loại nên tránh xa. Còn Thân hành trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hay Hành (nghiệp) gồm: Thân hành, Khẩu hành, Ý hành thì sâu hơn. Còn thân hành này thì đơn giản thôi, chỉ là những hành động của thân thôi, chứ không nói trên ý.

Khẩu hành ở đây cũng vậy, về lời nói, cách cư xử về lời nói. Khẩu hành này cũng khác khẩu hành kia nha, chữ khác nhau đó, không giống nhau. Cho nên ở đây không phải ý hành, mà là tâm cầu. Nghiệp cũng vậy, nghiệp có nghiệp của thân, nghiệp của miệng, nghiệp của ý, đôi chữ thôi.

[*Lưu ý: Thân hành (kāyasamācāra), khẩu hành (vacīsamācāra) trong bài này chỉ là cách hành xử về thân, về lời chứ không phải Thân hành (kāyasaṅkhāra), Khẩu hành (vacīsaṅkhāra), Ý hành (manosaṅkhāra) trong Hành của Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức).

*Nghiệp (Kamma): Thân nghiệp (kāyakamma), Khẩu nghiệp (vacīkamma), ý nghiệp (manokamma)] .

Ba loại này, Đức Phật nói rõ ràng ở đoạn tiếp theo:

[Đoạn 23: Loại thân hành nào nên thân cận hay tránh xa] .

Này Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do nhân duyên gì tuyên bố như vậy?

Ở đây, loại thân hành nào có thể biết được: "**Khi thân cận với thân hành này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm**", thì

thân hành ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại thân hành nào có thể biết được: "Khi thân cận với thân hành này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì thân hành ấy cần phải thân cận. Nay Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại cần thân cận, một loại cần tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do nhân duyên như vậy.

Như vậy, giống ở trên đúng không quý vị? Tức là khi thân mình làm những việc gì mà thiện pháp giảm, bất thiện pháp (pháp bất thiện tăng) thì nên tránh xa. Rất dễ thôi, ví dụ quý vị làm trộm cắp thì pháp bất thiện tăng, pháp thiện giảm thì nên tránh ra, không nên làm. Rồi việc làm nào khiến cho pháp thiện tăng, pháp bất thiện giảm, thì nên làm thêm. Điều này giống như Tứ chánh cần, chứ có gì đâu, đơn giản vậy thôi! Ví dụ làm gì mà thiện pháp tăng, pháp bất thiện giảm? Quý vị đang nghe Chánh pháp, đang nghe kinh Nguyên thủy thì đó là pháp thiện tăng, pháp bất thiện giảm. Vậy thì nên thân cận, rất rõ ràng! Như vậy cái này giống ở trên, tương tự vậy thôi.

[Đoạn 24: Loại khẩu hành nào nên thân cận hay tránh xa] .

Giống y chang như vậy, chỉ đổi thành khẩu hành thôi, cho nên chúng ta không cần đọc. Chúng ta có thể nói thôi.

Nay Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do nhân duyên gì tuyên bố như vậy?

Ở đây, loại khẩu hành nào có thể biết được: "Khi thân cận với khẩu hành này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì khẩu hành ấy phải tránh xa. Ở đây, loại khẩu hành nào có thể biết được: "Khi thân cận với khẩu hành này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì khẩu hành ấy cần phải thân cận. Nay Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy, là do nhân duyên như vậy.

Lấy ví dụ, lời nói nào, mình nói những điều gì mà các pháp thiện giảm, pháp bất thiện tăng thì đừng nên làm, tránh ra. Ví dụ mình nói những lời thô tục thì các pháp thiện giảm, pháp bất thiện tăng, như vậy nên tránh xa. Rồi mình nói những lời nào mang đến giác ngộ, giải thoát thì pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện sẽ giảm thì nên thân cận. Vậy thôi, đơn giản như vậy!

Trong cuộc sống, bất cứ hành động gì mình cứ lấy tiêu chuẩn thiện ác ra mà so, là mình biết ngay pháp đó thiện hay ác, pháp đó nên thân cận hay không nên thân cận thôi.

Chúng ta đến đoạn tiếp theo nha. Nhanh chóng, không có gì khó khăn.

[Đoạn 25: Loại tầm cầu nào nên thân cận hay tránh xa].

Nay Thiên chủ, Ta nói rằng tầm cầu cũng có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do nhân duyên gì tuyên bố như vậy?

Ở đây loại tâm cầu nào có thể biết được: "**Khi thân cận với tâm cầu này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm**", thì loại tâm cầu ấy **cần phải tránh xa**. Ở đây, loại tâm cầu nào có thể biết được: "**Khi thân cận loại tâm cầu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng**", thì loại tâm cầu ấy **nên thân cận**. Nay Thiên chủ, Ta nói rằng tâm cầu có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do nhân duyên như vậy.

Ở đây chỉ đổi chữ thôi, đổi thân hành, khẩu hành thành tìm cầu. Thứ nhất là giải thích chữ tâm cầu hay tìm cầu là như thế nào? Tìm cầu này, tra trong Chú Giải, tra trong tạng Pali, thì: *sự tìm cầu là cách tìm cầu các nhu yếu cho đời sống*.

Ở đây nói Tỳ-kheo, cũng nói quý vị luôn. Người Cư sĩ cũng vậy thôi, trong cuộc sống mình có những việc phải cần tìm cầu để sinh sống, việc nào nên làm, việc nào nên tránh. Đức Phật đưa ra tiêu chuẩn đơn giản: Việc nào làm cho pháp thiện tăng, pháp bất thiện giảm thì nên làm (nên thân cận), còn việc nào mình lo cho cuộc sống mà các pháp bất thiện tăng thêm, các pháp thiện giảm thì nên tránh xa.

Dễ đúng không ạ? Trong đời sống mình, có nhiều nghề để [kiếm] sống đúng không quý vị? Làm nghề nghiệp này, nghề nghiệp kia, điều này giống như Chánh mạng vậy thôi. Mình tránh những nghề nghiệp, những nghề nào để kiếm sống mà các pháp bất thiện tăng thêm, pháp thiện giảm. Ví dụ làm nghề đi đòi nợ thuê, ở Việt Nam có nghề đi đòi nợ thuê, đòi nợ mướn. Như vậy đó là pháp bất thiện tăng, thông thường mình tới tạt sơn

vào nhà người ta, rồi làm ghê quá, thì pháp bất thiện tăng thêm, pháp thiện giảm. Như vậy thì không nên làm.

Còn những việc thiện làm trong cuộc đời, có nhiều nghề mình có thể làm được tốt lành, làm gì cũng tốt. Nhưng trong thiện dễ có bất thiện lẫn nha, nhìn thiện nhưng chưa chắc là thiện, mình phải kiểm tra tâm mình. Ví dụ như làm một hành động nào đó, mình lên trên mạng bán hàng, chẳng hạn bán hàng qua Facebook, những cái nào thiện thì mình bán. Việc bán hàng đó là tìm cầu cho đời sống mà. Một hồi mình bán gian, bán lận, mua đầu này bán đầu kia, tráo hàng tùm lum, pháp thiện giảm, pháp bất thiện tăng thì không nên. Tìm cầu cho đời sống như vậy là không nên.

Chúng ta thấy như vậy rõ ràng đúng không ạ? Những bài Kinh này rất đơn giản thôi, không có khó gì. Cố gắng thực hành nha!

[+ Đối với thân hành, khẩu hành, tìm cầu nào mà khiến pháp bất thiện tăng thêm, pháp thiện suy giảm thì nên tránh.

+ Đối với thân hành, khẩu hành, tìm cầu nào mà khiến pháp thiện tăng thêm, pháp bất thiện suy giảm thì nên thân cận].

[Đoạn 26: Thiên chủ sakka tín nhận]

Này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo thực hành như vậy là thực hành để thành tựu Biệt giải thoát Luật nghi.

Tức là để thành tựu được Giới luật thì quý vị thực hành như vậy thôi. Cứ trên ba thứ: Thân, khẩu và tìm cầu cho đời sống. Quý vị thấy làm việc từ thân, làm việc từ miệng nói, và những việc tìm cầu cho đời sống

mà thiện tăng, bất thiện giảm, thì điều đó nên thân cận. Còn việc nào mà thiện giảm, bất thiện tăng thì tránh ra. Làm như vậy là thành tựu được Giới luật thôi. Đơn giản như vậy thôi, không khó gì.

Đó là hình thức Thế Tôn trả lời câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn và nói:

- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan.

Câu hỏi đó là câu hỏi thứ hai ở đoạn này. Chúng ta sang câu hỏi thứ ba. Tại vì phần sau còn nhiều điều hay lắm, cho nên mình phải đi nhanh, chứ nếu đi chậm quá thì không kịp.

[Đoạn 27: Thiên chủ sakka nêu câu hỏi thứ 3].

Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo phải thực hành như thế nào để thành tựu sự hộ trì các căn?

Chúng ta có bài Căn tu tập, hôm nay lại hỏi về sự thành tựu hộ trì các căn. Chúng ta có mấy căn? Có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thì bây giờ làm sao hộ trì các căn đó? Hộ trì là bảo vệ để không bị ô nhiễm, không bị phiền não. Ở đây nói luôn:

- Nay Thiên chủ, sắc do mắt phân biệt. Ta nói rằng có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Nay Thiên chủ, tiếng

do tai phân biệt...; hương do mũi phân biệt...; vị do lưỡi phân biệt...; xúc do thân phân biệt..., Nay Thiên chủ, pháp do ý phân biệt, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa.

Tức là bây giờ Đức Phật nói mắt chúng ta thấy hình sắc thì có hai loại: một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Tai nghe âm thanh thì âm thanh cũng có hai loại: một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Mũi ngửi mùi hương cũng có hai loại: một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Lưỡi nếm vị cũng có hai loại: một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Thân xúc chạm cũng có hai loại: một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa. Cuối cùng là ý (là mình nghĩ đến pháp) cũng có hai loại: một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa.

Nói vậy thôi thì ông Thiên chủ này hiểu rồi, ông trả lời luôn:

Được nghe như vậy, Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vấn đề Thế Tôn nói một cách tóm tắt được con hiểu một cách rộng rãi. Bạch Thế Tôn, loại sắc do mắt phân biệt, khi con thân cận mà bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm, thì loại sắc do mắt phân biệt ấy nên tránh xa.

Ông hiểu liền đúng không ạ? Tức là bây giờ mắt mình nhìn thấy điều gì khiến cho pháp thiện giảm, pháp bất thiện thì tăng lên thì tránh. Đơn giản vậy thôi! Quý vị thấy đâu có gì khó. Bây giờ quý vị nhìn cái gì? Ví dụ người thế gian người ta thấy đủ thứ, nhưng thấy những cái gì đó khiến tăng thêm pháp bất thiện, coi mấy phim chết chóc, chém giết thì đó

là pháp bất thiện tăng thêm, pháp thiện giảm đi đúng chưa? Rõ ràng! Thì nên tránh xa. Ngược lại ông hiểu nữa là:

Bạch Thế Tôn, loại sắc nào do mắt phân biệt, khi con thân cận, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, thì loại sắc do mắt phân biệt ấy nên thân cận.

Cũng vậy thôi, mắt chúng ta nên nhìn cảnh nào để cho tâm mình dễ chịu, để cho đừng khởi tâm bất thiện. Ví dụ cố gắng nhìn các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu màn hình cũng là một cách. Hoặc chúng ta coi kinh, coi sách v.v... nói chung là đừng chú ý đến những điều nào mà khiến khởi lên bất thiện. Cho nên mắt thấy những hình sắc như vậy.

Ví dụ như bây giờ nhiều người phân biệt quá đúng không? Nếu tâm mình phân biệt mà mình chấp vào một điều gì đó, thì mình né ra là tốt hơn. Chứ mình thân cận những điều đó hoài, sẽ khiến cho mình khó chịu. Có một số người không có làm được điều đó, thật ra là do phân biệt quá lớn, cho nên là tránh ra. Điều nào mà thấy bất thiện thì né ra là được.

Tương tự, ông cũng nói các loại như vậy, mắt thấy sắc rồi thì âm thanh, mùi hương, vị, thân xúc chạm, rồi ý phân biệt pháp. Tương tự, như vậy điều nào làm điều thiện tăng, bất thiện giảm thì nên thân cận. Điều nào làm thiện giảm, bất thiện tăng thì nên tránh xa.

Đoạn này cũng giống y chang như vậy, nên chúng ta không cần đọc lại.

- Bạch Thế Tôn, loại pháp nào do ý phân biệt, khi con thân cận, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, thì loại pháp ấy nên thân cận. Bạch Thế Tôn, vấn đề Thế Tôn nói một cách tóm tắt, được con hiểu một cách rộng rãi. Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được tiêu tan, do dự của con được diệt tận.

Tóm lại:

[+ Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với điều gì mà khiến pháp bất thiện tăng thêm, pháp thiện suy giảm thì nên tránh.

+ Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với điều gì mà khiến pháp thiện tăng thêm, pháp bất thiện suy giảm thì nên thân cận].

Ở đây quan trọng là khi mình nghĩ nha! Mình suy nghĩ điều gì mà thấy bất thiện tăng, thì nên tránh. Pháp [thiện tăng], pháp [bất thiện] giảm thì nên thân cận. Đơn giản vậy thôi! Cho nên thật ra bài này là 4 điều trong Tứ chánh cần.

[Đoạn 28: Thiên chủ sakka nêu câu hỏi thứ 4]

Như vậy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn, Thiên chủ Sakka lại hỏi câu hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, có phải tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều đồng một tư tưởng, đồng một giới hạnh, đồng một mong cầu, đồng một chí hướng?

Tức là ông hỏi rằng: Các vị Sa-môn, Bà-la-môn (là những vị tu theo thời Đức Phật), họ tu nhiều tôn giáo lắm, không chỉ Phật giáo không

[thôi], mà nhiều tôn giáo khác. Giống như thời nay, Phật giáo chính thống thì người đó gọi là Tỳ-kheo. Còn không thì gọi là Sa-môn (tức là người xuất gia), Bà-la-môn (là người tu tại gia mà tu), ngày xưa nhiều lắm, kiểu vậy. Thì ông mới hỏi rằng: [Có phải tất cả] họ đều cùng một tư tưởng, cùng một giới hạnh, cùng một mong cầu, cùng một chí hướng hay không?

Đây là bản dịch của Ngài Minh Châu. Nếu chúng ta tra lại thì mấy chữ đầu tiên là:

- **Ekantavādā:** cùng một quan điểm, chủ thuyết, tư tưởng.
- **Ekantachandā:** cùng một mong muốn, khuynh hướng.
- **Ekantaajjhosaṇā:** cùng một sự chấp trước, quyết định theo.

Bây giờ ông hỏi các vị đó có cùng một tư tưởng, cùng một giới hạnh, cùng một mong cầu, cùng một chí hướng hay không? Quý vị chắc thừa biết là không có, đúng không ạ? Mỗi người một kiểu, chứ làm sao mà có, chúng ta đâu thể nào cùng được, cho nên câu hỏi này mình trả lời được.

Đức Phật trả lời:

- Nay Thiên chủ, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng.

Rõ ràng tư tưởng thì khác, rất nhiều tư tưởng. Không cùng giới hạnh, giữ giới đâu có giống nhau, đạo này với đạo kia khác mà. Mỗi Tôn giáo giữ giới khác nhau, không cùng một mong cầu. Ví dụ như Đại thừa với Nguyên thủy thôi đúng không? Đại thừa, ví dụ như Tịnh Độ tông,

người ta cũng mong cầu sanh về một cõi nào đó. Còn Phật giáo Nguyên thủy thì chỉ mong ước chứng đắc Thánh quả. Thì như vậy đâu cùng một chí hướng, đâu cùng một mong cầu đâu đúng không ạ? Khác nhau rõ ràng!

[Đoạn 29: Thiên chủ sakka nêu câu hỏi thứ 5].

- Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng?

Quý vị thấy tại sao như vậy? Người cùng trong một nhà thôi là đã không cùng một chí hướng, không cùng một tư tưởng rồi. Do gì? Do duyên sai biệt đúng không ạ?

- Nay Thiên chủ, thế giới này gồm có nhiều loại giới, nhiều giới sai biệt. Trong thế giới gồm có nhiều loại giới và nhiều giới sai biệt này, các loại Hữu tình tự nhiên thiên chấp một loại giới nào, và khi đã thiên chấp, trở thành kiên trì, trở nên cố thủ, với định kiến: "Đây là sự thật, ngoài ra toàn là si mê". Do vậy, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một cứu cánh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng.

Ở đây Đức Phật giải thích là do trong thế giới có nhiều loại giới sai biệt, tức là do nhiều duyên, do nhiều sự tiếp xúc, nhiều cảnh giới này kia. Mà do các loại Hữu tình tự nhiên thiên chấp một loại giới nào, khi đã thiên chấp rồi thì trở thành kiên trì, trở thành cố thủ (bảo thủ) ở trong đó và định kiến luôn. Và họ có định kiến “đây là sự thật, ngoài ra toàn là si

mê”. Bản dịch này ngài Minh Châu dịch là ‘si mê’. Nếu tra Pali thì dịch sát nghĩa là “đây là sự thật, còn lại là toàn sai lầm, toàn là hư vọng”.

Tức là khi họ đã chấp vô một điều gì đó thì họ chỉ cho đó là đúng thôi, còn lại là sai hết, hư vọng hết. Quý vị thấy đúng không ạ? Đức Phật nói quá đúng luôn! Do đó cho nên mới có nhiều tư tưởng, nhiều sự sai biệt, nhiều sự hành trì khác nhau, không đồng một giới hạnh. Người thì gào thét, suốt ngày cứ A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Người thì Thiền định, người thì đọc chú, người thì tu theo kiểu ‘đứng lên là khổ hạnh’ v.v... ép xác đủ thứ kiểu. Như vậy đó là do sự tiếp xúc và từ tiếp xúc đó với cảnh, trong thế giới này có nhiều loại như vậy, cuối cùng tiếp xúc lâu ngày thành ra thiên chấp (chấp cứng quá), rồi bảo thủ cho đó là đúng, còn lại cho tất cả là sai. Quý vị thấy Đức Phật nói rất là chính xác luôn!

Chúng ta đến đoạn tiếp theo:

[Đoạn 30: Thiên chủ sakka nêu câu hỏi thứ 6] .

- Bạch Thế Tôn, có phải tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều có cứu cánh tối hậu, có sự an ổn tối hậu, sống phạm hạnh viên mãn, có sự hoàn tất tối hậu?

Đoạn này chúng ta dịch lại, vì đọc bản kia không hiểu, cho nên dịch lại cho dễ hiểu. Tức là ông hỏi rằng: Có phải những người tu xuất gia (gọi là Sa-môn), tu tại gia (gọi là Bà-la-môn), đều là có cứu cánh tối hậu (tức là đều đạt đến giải thoát rốt ráo), có sự an ổn tối hậu (tức là có sự an lạc), có sự sống phạm hạnh viên mãn (tức là họ giữ giới ngon lành hết rồi), có

sự hoàn tất tối hậu (tức là cuối cùng xong việc hết rồi), có phải như vậy không?

Có không quý vị? Chúng ta trả lời chắc chắn là không rồi, làm sao có được, đúng không? Chỉ có vài người tu hành thành công, đâu phải ai cũng thành công.

Đức Phật trả lời:

- Nay Thiên chủ, không phải tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều có cứu cánh tối hậu, có sự an ổn tối hậu, sống phạm hạnh viên mãn, và có sự hoàn tất tối hậu.

Quý vị thấy, không phải ai cũng đạt được giải thoát tối hậu đâu. Tại sao, thì chúng ta học tiếp đoạn tiếp theo.

[Đoạn 31: Thiên chủ sakka nêu câu hỏi thứ 7].

- Bạch Thế Tôn, vì sao không phải tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều có cứu cánh tối hậu, có sự an ổn tối hậu, sống phạm hạnh viên mãn và có sự hoàn tất tối hậu?

- Nay Thiên chủ, chỉ những Tỳ-kheo nào được giải thoát do tham ái được đoạn tận, những vị ấy có cứu cánh tối hậu, có sự an ổn tối hậu, sống phạm hạnh viên mãn và có sự hoàn tất tối hậu. Do vậy, không phải tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều có cứu cánh tối hậu, có sự an ổn tối hậu, sống phạm hạnh viên mãn và có sự hoàn tất tối hậu.

Ở đây quý vị thấy, ở trên thì hỏi “Sa-môn, Bà-la-môn”, nhưng tới đoạn này Đức Phật đổi thành chữ “Tỳ-kheo”. Tức là chỉ những vị Tỳ-kheo nào được giải thoát do tham ái được đoạn tận, thì những vị ấy mới có cứu cánh tối hậu, có sự an ổn tối hậu, sống phạm hạnh viên mãn và có sự hoàn tất tối hậu. Còn lại là không có.

Chỗ này, bảng ngài Minh Châu dịch vẫn là “Sa-môn, Bà-la-môn”. Nhưng chắc do ngài chép từ ở trên xuống nên ngài không để ý chỗ này, Đức Phật đổi lại thành chữ “Tỳ-kheo” rồi. Chúng tôi có dò trong bảng Pali câu nguyên văn này đổi thành “**bhikkhū**” rồi.

Ye kho, devānaminda, **bhikkhū** taṇhāsaṅkhayavimuttā, te accantaniṭṭhā accantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosānā.

Nguyên văn: Những Tỳ-kheo (**bhikkhū**) chứ không phải những Sa-môn, Bà-la-môn (**samaṇabrāhmaṇā**).

+ **samaṇabrāhmaṇā**: Chữ này đổi thành “bhikkhū” rồi. Và chữ này là “Tỳ-kheo” số nhiều nha, ai học tiếng Pali thì biết là số nhiều. Còn nếu “một vị Tỳ-kheo” là “bhikkhu” (chữ khác nha). “bhikkhū” ở đây là “những vị Tỳ-kheo”.

Cho nên ở đây nói là gì? Thật ra chỉ có những người Tỳ-kheo nào mà giải thoát khỏi tham ái được đoạn tận (tức là chứng được A-la-hán), thì mới có được một sự cứu cánh tối hậu, một sự an ổn tối hậu, họ giữ được giới một cách viên mãn và cũng hoàn tất xong hết rồi. Chỉ có Tỳ-kheo thôi, không phải Sa-môn, Bà-la-môn nào cũng có được. Ngay cả người Cư sĩ tại gia vẫn không đạt được điều đó nha! Trừ khi quý vị đạt

được thì quý vị giống như bà Hoàng hậu Khê-ma trong kinh Tăng Chi. Bà Hoàng hậu sau khi đắc Thánh quả A-la-hán, thì bà cũng đi xuất gia, cho nên là thành một vị Tỳ-kheo-ni luôn. Chỉ có Tỳ-kheo thôi mới đạt được điều đó. Còn tất cả Sa-môn, Bà-la-môn khác không có được quả vị A-la-hán. Ở đây ý nói A-la-hán với thân phận là Tỳ-kheo, hoặc Phật cũng là A-la-hán.

Cho nên không có nha! Mình học xong rồi mình mới có Chánh kiến, mình tin điều này. Trong kinh nói như vậy rồi, mà mình còn tin có những người tại gia, như Lục tổ Huệ Năng chứng A-la-hán là không có! Có thể lúc đó ngài chưa chứng A-la-hán. Nếu chứng A-la-hán là phải xuất gia. Cho nên sẽ không sống đời tại gia được, còn không là nhập Niết-bàn thôi. Trong kinh nói, chứ không phải chúng ta tự nói. Cho nên chúng ta phải tin vào những lời Đức Thế Tôn dạy.

Đoạn này thấy khó quá, không liên quan đến mình, đằng sau mới liên quan, từ từ nghe.

Đó là hình thức câu trả lời của Thế Tôn cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói:

- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan.

Đoạn này là Thiên chủ Sakka đã hỏi hết mấy câu hỏi rồi. Bây giờ ông kể chuyện, câu chuyện này hay, quý vị nên nghe câu chuyện này:

[Đoạn 32: Thiên chủ sakka nêu câu chuyện của ngài với các vị Samôn, Bà-la-môn khác]

Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn, liền hỏi câu tiếp:

- Bạch Thế Tôn, tham ái là bệnh tật, tham ái là mụn nhọt, tham ái là mũi tên, tham ái dắt dẫn con người tái sanh vào cảnh giới này, cảnh giới khác, khi cao, khi thấp. Bạch Thế Tôn, trong khi các Samôn, Bà-la-môn thuộc giáo phái khác, con không có cơ hội được giải đáp những câu hỏi này, thì Thế Tôn lại trả lời những câu hỏi ấy cho con, giảng giải rất lâu cho con, khiến mũi tên nghi ngờ, do dự của con được Thế Tôn rút nhỏ đi.

Chúng ta chậm chậm lại chút, ở đây ông nói lại là: “Tham ái là bệnh tật, tham ái là mụn nhọt, tham ái là mũi tên...” Tham thì sâu, còn ái là nhẹ hơn, chúng ta phải phân biệt được hai chữ tham và ái nha! Tham có nghĩa là gì? Tham là những gì mình không có, mà mình mong muốn có, thì gọi là tham. Ví dụ quý vị không có xe, quý vị đi ngang qua thấy chiếc xe đạp của người ta, quý vị thấy thích, ham, muốn lấy chiếc xe, đó là tham. Vì chiếc xe đó đâu phải của quý vị.

Còn ái là gì? Ái là cũng muốn, nhưng muốn này không đến nỗi tham. Ví dụ mình muốn có nhà lầu trong điều kiện của mình, muốn có thân thiện hữu, muốn sống ở cõi Trời v.v... thì đó gọi là ái. Cho nên ái có ba ái: Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái.

Dục ái là những mong muốn ở cõi Dục. Cõi Dục thì nhiều lắm: mắt muốn thấy cảnh đẹp, tai muốn nghe âm thanh hay, mũi muốn nghe mùi hương thơm, dễ chịu, lưỡi muốn nếm vị ngon theo ý mình, thân muốn êm ái, xúc chạm nhẹ nhàng, đó là 5 cảnh dục. Thêm cảnh dục của pháp, là ý muốn nghĩ đến những chuyện gì theo ý mình thì mình thích, còn nghe ý khác là không thích, đó là những điều cơ bản nhất.

Sắc ái tức là những ham muốn, mong muốn còn có thân hình để sống, cho nên sanh vào cõi trời Sắc giới.

Còn Vô sắc ái là những mong muốn hiện hữu trong một trạng thái tâm nào đó không có hình sắc, những mong muốn như vậy thì cũng còn dính. Ba ái đó gọi là Dục ái, Hữu ái, Vô hữu ái nha! Chúng ta nhớ như vậy.

Cho nên ngài Thiên chủ nói vừa tham vừa ái luôn, là bệnh tật. Vì sao? Đó là nguyên nhân luân hồi. ‘Tham ái là mụn nhọt’, giống như cái nhọt ung lên, nó đau lắm. ‘Tham ái là mũi tên’, tức là nó hướng mình đi. ‘Tham ái là dắt dẫn con người tái sanh vào cảnh giới này, cảnh giới khác’. Ở trong Chánh kinh thật ra chỗ đó là “hữu này, hữu khác”, hữu là cảnh giới, mình dịch “cảnh giới” cho rõ. Cho nên do tham ái mà có tái sanh. Bài Kinh này một lần nữa nói là do tham ái mà có tái sanh. Mà tái sanh thì khi cao, khi thấp, tức là lúc thì làm người, làm trời, chư Thiên, lúc làm voi, ngựa, súc sanh, lúc thì làm Ngạ quỷ, đoạ Địa ngục). Thì đi vô cảnh giới cao thấp như vậy, đều do tham ái mà ra, vua trời Đế Thích nói như vậy. Cho nên “Ái tận tức Niết-Bàn”, chúng ta đã nói như vậy rất nhiều lần. Và

trong Kinh có câu: Ái tận thì Niết-bàn, nên có khi dịch là ‘Ái tận tức Niết-Bàn’

Bạch Thế Tôn, trong khi các Sa-môn, Bà-la-môn thuộc giáo phái khác, con không có cơ hội được giải đáp những câu hỏi này (tức là ông hỏi những câu hỏi này đối với giáo phái khác, thì giáo phái khác không giải đáp được), thì Thế Tôn lại trả lời những câu hỏi ấy cho con, giảng giải rất lâu cho con, khiến mũi tên nghi ngờ, do dự của con được Thế Tôn rút nhổ đi.

Câu chuyện này sẽ được nói rõ ở đằng sau:

- Nay Thiên chủ, ông có nhớ rằng ông cũng đã từng hỏi những câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác không?

Tức là Đức Phật hỏi rằng: ông có nhớ rằng hồi xưa ông đã từng hỏi câu hỏi này với vị Sa-môn, Bà-la-môn (tức là với những đạo khác) không? Tại sao quý vị? Tại vì lúc Đức Phật chưa ra đời là ông đi tìm người khác, tìm người nào tu hành để hỏi. Ông là Thiên chủ mà, ở cõi Trời Đao Lợi một ngày một đêm bằng 100 năm nhân gian. Đức Phật xuất hiện ở thế gian có 80 năm thôi. Cho nên thời gian trước đó rất nhiều, rất nhiều, ông đi hỏi tùm lum người luôn. Thì ông kể lại câu chuyện ông đi hỏi.

- Bạch Thế Tôn, con nhớ rằng con cũng đã từng hỏi những câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác.

- Nay Thiên chủ, những vị ấy trả lời với ông như thế nào, nếu không gì trở ngại hãy nói cho Ta biết.

- Bạch Thế Tôn, không gì trở ngại cho con, khi Thế Tôn ngồi nghe hay một vị [đáng tôn kính] như Thế Tôn ngồi nghe.

Tức là ông nói con sẽ trình bày lại, không có vấn đề gì, con sẽ nói lại. Bởi vì Đức Thế Tôn là người rất đáng tôn kính, cho nên con kể được thôi. Không sợ bị nhiều chuyện, mình sợ kể ra nhiều khi là nhiều chuyện, nhưng yên tâm, đức hạnh của Đức Phật tuyệt vời thì không có chuyện đó.

Này Thiên chủ, vậy ông hãy nói đi.

- Bạch Thế Tôn, những vị Sa-môn, Bà-la-môn mà con nghĩ là những vị sống trong rừng, trú tại những nơi xa vắng, con đi đến những vị ấy và hỏi những câu hỏi này. Được con hỏi, các vị ấy không trả lời được, đã không trả lời được, lại hỏi ngược con:

"Tôn giả tên gì?"

Tức là trước đây vua Trời Đế Thích đã từng xuống nhân gian, thấy những vị tu hành ở trong rừng, ở trong nơi xa vắng. Thời nào chả có quý vị, bây giờ, ngày xưa, trăm năm ngàn năm trước, lúc nào cũng có. Thời Phật không ra đời vẫn có người tu như vậy. Thì ông đi đến, ông biến thành người để hỏi những câu ở trên. Cuối cùng mấy vị đó trả lời không được, rồi còn hỏi ngược lại là Tôn giả tên là gì?

Ở đây chúng tôi có chú thích ở trên này, quý vị có thể tự đọc nha. Trong bản ngài Minh Châu dịch là “những vị Thế Tôn”. Nhưng không phải “những vị”, vì chữ “những vị” là số nhiều, còn nguyên văn ở đuôi là

‘o’, đuôi ‘o’ này thì không có số nhiều được, đuôi ‘o’ này là số ít, chứ không phải số nhiều. Cho nên chỉ là “một vị Thế Tôn” khác thôi.

- Nguyên văn: Na kho me, bhante, garu, yatthassa **bhagavā** nisinno **bhagavantaro** vā. Trong đó: **bhagavā** (chủ cách, giống đực, số ít, Thế Tôn); **bhagavantaro** = (chủ cách giống đực, số ít, Thế Tôn khác) chứ không phải số nhiều **bhagavantarā** (những vị Thế Tôn khác).; **vā**: hoặc; -antara: khác.

Bây giờ chúng ta trở lại câu hỏi này. Những người Sa-môn, Bà-la-môn đó hỏi ngược lại vua trời Đế Thích, thì vua trời Đế Thích trả lời như thế nào?

Được họ hỏi, con trả lời: "Chư Hiền giả, tôi là Thiên chủ Sakka". (Tức là ông nói thật luôn, ông là vua trời Đế Thích, tằng trời Đao Lợi, Thiên chủ Sakka).

Rồi những vị ấy lại hỏi thêm con rằng: "Thưa Thiên chủ, Tôn giả do làm nghiệp gì mà đạt đến địa vị này?"

Họ cũng tò mò, hỏi làm sao để trở thành Thiên chủ. Tức là do làm nghiệp gì mà trở thành vua trời Đao Lợi? Quý vị thấy người ta cũng tò mò, mình cũng vậy chứ. Bây giờ quý vị gặp vua trời Đế Thích đi, rồi quý vị cứ hỏi chắc là do ngài làm gì, mà ngài được trở thành vua trời Đế Thích chứ đúng không? Cho nên không có giải đáp câu hỏi cho ông, mà còn hỏi ông như vậy. Thì bây giờ ông sẽ làm gì?

Con liền giảng cho những vị ấy Chánh Pháp như con đã được nghe và đã được học. (Tức là ông cũng biết Chánh pháp, ở trên cõi Trời có Chánh pháp).

Chỉ với từng ấy, các vị ấy hoan hỷ và nói: "Chúng tôi đã được thấy Thiên chủ Sakka. Những điều gì chúng tôi hỏi, vị ấy đều trả lời cho chúng tôi".

Rốt cuộc, các vị ấy trở thành đệ tử của con, chứ không phải con là đệ tử của các vị ấy.

Quý vị thấy ngược đời không ạ? Ông thì tìm Phật pháp, ông đi xuống nhân gian, hỏi những người tu hành Sa-môn, Bà-la-môn ở trong rừng núi, chỗ xa vắng.v.v... tu dữ lắm. Ông hỏi, thì các vị đó trả lời không được câu hỏi của ông (những câu hỏi từ đầu bài kinh). Máy vị đó trả lời không được, thậm chí hỏi lại Tôn giả tên gì? Thì ông nói tôi là vua trời Đao Lợi (vua trời Sakka), nghe như vậy các vị đó hỏi: “Thưa Thiên chủ, ngài do làm nghiệp gì mà đạt được vua trời Đao Lợi?” Từ đó ông giảng các Chánh pháp mà ông được nghe, được học, tức là nhờ những Chánh pháp còn lại. Tất nhiên không có sâu như Chánh pháp của Đức Phật được, nhưng vẫn là pháp thiện mà, những Chánh pháp đó còn ở trên cõi Trời, ở nhân gian tu tập được nên lên cõi Trời v.v... Ông giảng như vậy. Những vị đó nghe xong thì vui mừng quá, vì họ thấy tu hành xưa nay không có thấy Thiên chủ Đế Thích, mà bây giờ được thấy Thiên chủ Đế Thích, còn được nói chuyện nữa, mừng quá! Rồi rốt cuộc họ quy y với Thiên chủ Đế Thích, trở thành đệ tử của Thiên chủ Đế Thích luôn.

Vua trời Đế Thích mới nói “rốt cuộc con không phải trở thành đệ tử của các vị ấy, mà các vị ấy trở thành đệ tử của con”. Ngược đời như vậy đó, đi học pháp người ta mà cuối cùng là người ta làm đệ tử của mình luôn. Quý vị thấy không ạ? Vậy cho nên ông không thỏa mãn. Quý vị thấy đâu có đơn giản đâu, Chánh pháp khó nghe mà.

- Nhưng Bạch Thế Tôn, con là đệ tử của Thế Tôn, là bậc Dự lưu, không còn bị rơi vào đạo xứ, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Tức là ông khẳng định luôn “con là đệ tử của Thế Tôn (đệ tử của đức Phật Thích Ca), là bậc Dự lưu”. Ông xác định ông là Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào đạo xứ (tức là không rơi vào ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh), chắc chắn sẽ được giác ngộ. Bản dịch của ngài Minh Châu là “chắc chắn sẽ được giác ngộ”. Đoạn dịch nếu theo Chánh kinh, dịch ý sẽ dịch như vậy. Còn nếu mà dịch sát [nghĩa] là “chắc chắn sẽ hướng đến Chánh giác”, tức là chắc chắn sẽ đến quả vị A-la-hán. Ông là bậc Dự lưu rồi nha! Ông xác nhận ông là bậc Dự lưu. Dự lưu lúc nào? Ngay lúc đó, vừa nghe các câu hỏi giải [được] đáp xong là đắc quả Dự lưu. Trong bài Kinh này là ông đắc quả Dự lưu (Tu-đà-hoàn).

Còn nhiều điều hay nữa, chúng ta nghe tiếp:

[Đoạn 33: Đức Phật hỏi về sự hỷ lạc của vua trời Sakka]

- Nay Thiên chủ, ông có nhớ trước đây ông đã từng đạt được niềm vui và hỷ lạc như thế này không?

- **Bạch Thế Tôn**, con nhớ **trước** đây mình đã từng có được niềm vui và hỷ lạc như thế này.

- **Này Thiên chủ**, vậy trước đây, trong trường hợp nào ông đã có được niềm vui và hỷ lạc như thế này?

Ở đây chúng ta xin giải thích một chút. Bây giờ Đức Phật nói là trước đây ông đã từng đạt được niềm vui và hỷ lạc như thế này không? Tại vì sao vậy? Tại vì ngay lúc đó ông đã chứng Sơ quả Dự lưu. Khi chứng Sơ quả Dự lưu thì niềm vui và hỷ lạc khởi lên, cho nên đức Phật mới hỏi là trước đây ông có được niềm vui như vậy không? Thì ông nói có. Vậy có là trong trường hợp nào? Nên Đức Phật mới hỏi là “vậy trước đây, trong trường hợp nào ông đã có được niềm vui và hỷ lạc như thế này?” Thì ông nói như sau:

- **Bạch Thế Tôn**, trước đây, đã xảy ra một trận chiến **giữa chư Thiên và các vị Asurā** (tức là trận chiến giữa chư Thiên và A-tu-la. Tức là khi ông là vua trời Đế Thích, ông cũng bị chiến tranh với A-tu-la.). **Bạch Thế Tôn**, trong trận chiến này, **chư Thiên thắng trận, các loài Asurā bại trận. Bạch Thế Tôn sau khi thắng trận, con là người thắng trận, con suy nghĩ: "Nay cam lồ của chư Thiên và cam lồ của Asurā, chư Thiên sẽ được ném cả hai loại cam lồ ấy".**

Tức là khi chiến tranh xong, thắng cuộc, quý vị thấy trong này ngài Minh Châu dịch là “cam lồ”, thật ra nếu dịch theo ý [từ tiếng] Pali sang (không thông qua Trung Quốc), thì chữ “cam lồ” đó dịch là “những tinh túy dưỡng chất/những dưỡng chất tinh túy”, giống như bây giờ là thuốc

bổ thượng hạng vậy đó. Những thức ăn/thuốc bổ thượng hạng của A-tu-la và chư Thiên, vì lúc này chư Thiên thắng trận nên xài hết. Được nếm cả, ăn hết đồ bổ nhất của cả A-tu-la và chư Thiên luôn, tại vì thắng trận mà).

Bạch Thế Tôn, niềm vui và hỷ lạc ấy của con do gây trượng đem lại, do đao kiếm đem lại; không đưa đến yêm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, niềm vui và hỷ lạc này của con, nhờ nghe Chánh Pháp Thế Tôn đem lại, không do gây trượng, không do đao kiếm, nhất định đưa đến yêm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

Tức là ông nói tuy là niềm vui đó, hồi xưa đánh trận, thắng A-tu-la thì rất vui, rất hỷ lạc. Nhưng cũng không bằng bây giờ, bây giờ chứng quả Dự Lưu thì vui hơn. Tại vì chứng quả Dự lưu mới đưa đến yêm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Hồi xưa đánh thắng trận thì vui chút thôi, cũng yên bình thôi, chứ không có được như vậy.

Bây giờ quý vị buồn ngủ rồi, thì nghe ông kể cuộc đời của ông, nghe tiếp đây mới hấp dẫn nè, đoạn này chắc vừa lòng với quý vị.

[Đoạn 34: Lợi ích thứ nhất mà vua trời Sakka cảm nhận]

- Nay Thiên chủ, khi ông cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy, ông cảm thấy có bao nhiêu lợi ích? (Tức là khi ông có niềm vui như thế, thì Đức Phật hỏi là ông cảm thấy có bao nhiêu điều lợi ích đạt được. Thì ông [nói] luôn).

- Bạch Thế Tôn, khi con trải nghiệm niềm vui và hỷ lạc như vậy, con cảm thấy có sáu sự lợi ích như sau:

**Nay khi con tại đây,
Với thân một vị Trời,
Con được tái sanh lại,
Bạch Ngài, xin rõ vậy.**

Bạch Thế Tôn đó là điều lợi thứ nhất con cảm thấy khi con cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy.

Có nghĩa ổng nói niềm vui đầu tiên là ngay tại nơi đây, tức là ngay lúc mà ổng nghe pháp, ổng chứng quả Dự lưu đó, thì ổng chết luôn. Và ổng tái sanh trở lại trở thành một vị trời luôn, và ai biết? Chỉ có Phật biết thôi. Cho nên ổng mới nói là: “Bạch Ngài, xin rõ vậy”.

Tức là vua trời Đế Thích đã thay một thân mới, có một thân mới. Cho nên hồi trước chúng ta chia sẻ bài kinh lâu rồi, câu chuyện đó là ân đức mà vua trời Đế Thích tới chăm sóc bệnh cho Đức Phật, đội phân của Phật trên đầu. Đức Phật nói là tại vì sao? Vì chính nhờ Đức Phật mà ổng chứng quả Dự lưu, và ngay khi đó là ổng tái sanh lại thành một thân mới, tiếp tục làm vua trời Đế Thích tiếp. Đã có thân mới, không còn thân già cỗi nữa (vì thọ mạng hết). Như vậy, nhờ ân đức đó, đây là Chánh kinh, Kinh Trường Bộ luôn, khẳng định điều đó là sự thật. Quý vị thấy không ạ? Tức là “nay khi con tại đây, với thân một vị trời, con được tái sanh lại (đôi thân)”.

Cho nên quý vị thấy chư Thiên sướng không? Chư Thiên không khổ như mình, chư Thiên chết xong là tái sinh liền và vẫn nhớ tiếp, chư Thiên không quên. Còn mình tái sinh thì quên, tái sinh là chui vô 9 tháng 10 ngày. Mình nói “chui vô” là nói cho quen thuộc, tức là ở trong thai 9 tháng 10 ngày. Rồi ra bắt đầu ngơ ngơ ngác ngác, khổ vô cùng.

Quý vị biết nỗi khổ đời người không? Bây giờ ai sống lớn lên, già rồi mới thấy nỗi khổ đời người. Mình thì chuẩn bị nghỉ hưu, mình về nghỉ hưu rồi, mong đợi nghỉ hưu, mà bây giờ thấy đứa nhỏ bập bẹ đánh vần “A, B, C, D, Đ”. Nó đánh vần “Ờ a ba huyền bà”, “một cộng một bằng hai”. Thấy mệt quá! Nó học mười mấy năm nữa, thậm chí học 20 năm nữa, rồi bắt đầu mới đi làm. Đi làm cho cố, rồi cuối cùng cũng nghỉ hưu, dòng đời khắc nghiệt như vậy. Đối với một người sắp về hưu, đối với một người về hưu, khi nhìn lại quãng đời đó chả có ý nghĩa gì. Mấy mươi năm cuộc đời thoáng qua như cái búng tay, như một giấc mộng. Mình nỗ lực bao nhiêu, từ nhỏ đến lớn. Hồi nhỏ tại ngu quá không biết, chứ nếu mà cho đi lại cuộc đời, ngán thật sự! Không muốn đi lại con đường đó. Vậy mà nhìn qua đứa cháu mình, cháu nội cháu ngoại gì đó, nó lại bắt đầu con đường xưa mình đã đi.

Cho nên nếu ai mà hiểu, nhìn vào hình ảnh đó, biết được sự luân hồi đáng sợ, biết được sự khổ trong cuộc đời. Làm người đã khổ như vậy, hướng hồ chi là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Làm Trời sướng hơn! Nhưng Trời vẫn có thọ mạng, hết thọ mạng như vua trời Đế Thích thì tái sinh lại.

Nhưng ông có phước, ông tái sanh lại trời Đế Thích, chứ không có phước là không được.

Chưa đâu, ông kể tiếp, nghe nha! Như vậy vua trời Đế Thích khẳng định là ông tái sanh lại thân mới rồi đó. Đó là lợi ích thứ nhất, ông vui.

[Đoạn 35: Lợi ích thứ hai mà vua trời Sakka cảm nhận]

Ông nói tiếp về tương lai của ông:

Mạng chung rời thân trời,

Bỏ thọ mạng phi nhân,

Không mê, con nhập thai,

Nơi tâm con vui thích.

Ông nói đời tương lai luôn. Đời tương lai là ông chết, rời thân trời, không có được thân trời nữa ‘bỏ thọ mạng phi nhân’. Phi nhân tức là không phải người, trời cũng là không phải người. Nhưng ông không mê nha! “Không mê con nhập thai; Nơi tâm con vui thích”.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ hai con cảm thấy, khi con cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy.

Tức là ông có biết túc mạng tương lai, ông ở cõi Trời mà quý vị! Thật ra Tu-đà-hoàn, có nhiều người sẽ biết được đời tương lai đi về đâu, đa phần bậc Tu-đà-hoàn sẽ biết. Cho nên ông biết, vì ông là Tu-đà-hoàn rồi mà. Ông biết là tương lai hết thọ mạng cõi Trời, ông vẫn phải sanh làm cõi Người. Vua trời Đế Thích cầm ngai vàng Thiên chủ, làm bao nhiêu phước thiện mà cũng không trụ nổi cõi Trời nữa quý vị, vẫn phải xuống

làm người. Nhưng cũng may, “không mê con nhập thai, nơi tâm con vui thích”. Dù sao xuống cõi Người cũng thích, dù sao cũng được nơi ưa thích.

Quý vị thấy không ạ? Cho nên ở đây nói lên ngay cả vua trời Đế Thích chứng Tu-đà-hoàn vẫn không thoát được, vẫn xuống nhân gian nữa. Cho nên ai đời này tu ngon ngon, hơn vua trời Đế Thích nha, lên cao hơn đừng xuống nữa. Ông hết thọ mạng ở trời Đao Lợi (tầng trời thứ hai), nếu sống hết tuổi thọ, mà chưa chắc sống hết tuổi thọ, vì tuổi thọ không cố định. Hết [tuổi thọ] thì cũng chỉ bao nhiêu? Ở trên đó, 1 ngày trên đó bằng 100 năm nhân gian. Tuổi thọ ở đó là 1.000 tuổi, nhân thêm 365 ngày là 36 triệu 500 ngàn năm. Với con số như thế, 36 triệu năm (lấy số chẵn), mà hết rồi cũng xuống làm người, nhập thai tiếp. Đâu có phải dễ đâu!

Chúng ta coi thử lợi ích tiếp theo mà ông cảm nhận thế nào?

[Đoạn 36: Lợi ích thứ ba mà vua trời Sakka cảm nhận]

Được dẫn theo Chánh đạo,

Đức Phật tán thành con;

Con sẽ trú Chánh đạo,

Tỉnh giác và Chánh niệm.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi thứ ba con cảm thấy, khi con cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy.

Ông nói là xuống nhân gian thì ông sẽ [được] dẫn theo Chánh đạo, tức là tu tiếp. Tất nhiên là Tu-đà-hoàn rồi, và được “Đức Phật tán thành con”. Tán thành là không biết Đức Phật này hay Đức Phật sau. “Con sẽ trú

Chánh đạo, tỉnh giác và chánh niệm”. Lúc đó nói vậy thôi, chứ thực tế nếu thọ mạng hết [sau] 36 triệu năm, thì chắc là chưa tới ngài Di Lặc ra đời đâu.

[Đoạn 37: Lợi ích thứ tư mà vua trời Sakka cảm nhận]

**Con thực hành Chánh đạo,
Nếu chứng đạo Nhất lai,
Con tiếp tục liễu tri,
Là đời cuối cõi Người.**

Tức là ông nói xuống cõi Người rồi ông tu tiếp. Nên nhớ là ông không mê nha! Nhập thai không mê mà. Nếu chứng đạo Nhất lai, ở đây ông nói là ‘nếu’ thôi, tại vì chưa chắc. Vì tương lai chưa định hình 100%, nếu chứng đạo Nhất lai là Nhị quả Tư-đà-hàm đó, lúc đó mới chứng. “Con tiếp tục liễu tri, là đời cuối cõi Người”. Ông nói đời đó mới là đời cuối cõi Người, Nhất lai là còn một lần trong cõi Dục nữa. Vậy là đời sau ông lên cõi Trời tiếp. Như vậy cũng gian nan đúng không quý vị? Tư-đà-hoàn cũng gian nan, cho nên ai lên được thì lên nha, chứ Tư-đà-hoàn kiểu này khó lắm. Phải là Nhất chứng mới được, chứ Tư-đà-hoàn kiểu này cũng không phải là Gia gia đâu nha! Tại vì [Gia gia] thì còn 2, 3 đời, mà ông này còn tới 4, 5 đời, còn chưa hết nữa. Cho nên ông là Tư-đà-hoàn tiêu chuẩn, từ 4 đến 7 đời đó.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ tư con cảm thấy, khi con cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy.

[Đoạn 38: Lợi ích thứ năm mà vua trời Sakka cảm nhận]

Chết rời khỏi cõi Người,
Bỏ thọ mạng loài người,
Con sẽ lại thành trời,
Tối thượng trong thiên giới.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ năm con cảm thấy, khi con cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy.

Tức là ông nói sau khi chết ở cõi Người, hết thọ mạng cõi Người thì ông lại lên cõi Trời nữa. Và không phải cõi Trời bình thường, mà là tối thượng trong thiên giới. Trong Chú Giải giải thích là ông trở lại làm vua trời Sakka thêm một lần nữa. Tức là làm vua trời Đế Thích tiếp. Ông sau khi xuống nhân gian, tu một đời có phước thì lại lên làm vua trời Đế Thích tiếp. Mà lúc này ông có thể chứng được Nhị quả Tư-đà-hàm. Ở đây là nếu thôi nha, chưa chắc! Nhưng ông có thể thấy như vậy, tức là sau khi có một chút thần thông về tương lai, ông thấy được như vậy, ông tự ký thuyết cho mình như vậy.

[Đoạn 39: Lợi ích thứ sáu mà vua trời Sakka cảm nhận]

Chư thiên thù thắng hơn,
Sắc Cứu Cánh uy danh;
Trong đời sống cuối cùng,
Đó sẽ là nơi trú.

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ năm con cảm thấy, khi con cảm thọ niềm vui và hỷ lạc như vậy.

Tức là ông nói sau này ông lên cõi thù thắng hơn nữa, lên cõi Sắc Cứu Cánh. Và trong đời sống cuối cùng, đó là nơi trú. Lúc này ông lên Tam quả A-na-hàm và lên trời Sắc Cứu Cánh thiên (tầng trời cao nhất trong 24 tầng trời cõi Sắc), và đó là nơi cuối cùng. Cho nên vua trời Đế Thích đi một vòng hơi xa. Nhưng dù sao cũng ngon lành rồi nha!

Ở đây, chúng ta tổng kết lại cuộc đời của vua trời Đế Thích qua những đoạn kệ vừa rồi. Đó là ông từ cõi Trời, sau khi được nghe Phật giảng pháp (bài Kinh này) thì ông chứng được Tu-đà-hoàn. Sau đó ông chết, đổi thành thân mới, tiếp tục làm vua trời Đế Thích. Sau hết thọ mạng ở cõi Trời, hết làm vua trời, ông xuống lại nhân gian, tu có thể chứng được Nhị quả Tư-đà-hàm, rồi trở lại thiên giới ở đời tiếp theo, tiếp tục trở thành vua trời Đế Thích nữa. Sau đó mới lên trời Sắc Cứu Cánh thuộc Ngũ Bất Hoàn thiên (đó là tầng trời cao nhất trong Ngũ Bất Hoàn thiên). Lúc đó là Tam quả A-na-hàm rồi, ông mới nhập Niết-Bàn. Đó là con đường của vua trời Đế Thích (Thiên chủ Sakka). Cho nên đường ra sanh tử là ngon rồi đó, ráng tu! Đây là một điều rất tuyệt vời! Ai nghe thấy cũng sẽ rất vui.

[Đoạn 40: Kệ tóm lại hành trình gặp Phật của vua trời Sakka]

Tâm nguyện chưa thành tựu,

Nghi hoặc và phân vân;

Con đã tìm Như Lai,

Suốt một thời gian dài.

Tức là hồi xưa ông cũng muốn tu lắm, ông cũng đi tìm, cũng nhiều nghi ngờ, phân vân, ông đã đi tìm Phật suốt một thời gian dài. Lúc đó đâu có Phật đâu.

**Con nghĩ các Sa-môn,
Sống viễn ly một mình,
Là những bậc giác ngộ,
Nên con đến thân cận.
Tu sao được thành tựu?
Tu sao bị thất bại?
Được con thưa hỏi vậy,
Họ không thể trả lời.**

**Biết con là Sakka,
Thiên chủ của chư thiên,
Họ lại hỏi nơi con:
“Do nghiệp gì được vậy?”**

Tức là ông kể lại, ngày xưa ông muốn đi tìm đạo, đi khắp nơi tìm Phật, [nhưng] không có Phật ra đời. Cho nên ông thấy những vị Sa-môn, Bà-la-môn tu hành ở trong núi sâu, rừng hẻo lánh. Ông mới tới hỏi họ: “Tu sao để thành tựu? Tu sao bị thất bại?” Hỏi họ như vậy mà họ không trả lời được. Mà khi biết ông là vua trời Đế Thích, thì họ mới hỏi ngược lại là do nghiệp gì mà con được địa vị là vua trời Đế Thích. Đây là kể lại đoạn lúc này thôi.

**Con giảng lại cho họ,
Pháp con từng được nghe;
Nhờ vậy họ hoan hỷ:
“Đã được gặp Vāsava!”
(Vāsava là vua trời Đế Thích)**

**Khi con gặp Đức Phật,
Đấng giúp vượt nghi ngờ;
Nay con hết sợ hãi,
Nhờ thân cận Chánh Giác.**

Tức là khi ông được gặp Đức Phật, đây là lần đầu tiên trong đời ông được gặp Đức Phật. Đức Phật giúp ông hết nghi ngờ, nay ông ấy hết sợ hãi, tại vì chứng được Tu-đà-hoàn, không còn sợ hãi nữa (vô úy). Nhờ thân cận bậc Chánh Giác, tức là nhờ thân cận Phật.

**Mũi tên của tham ái,
Chánh Giác đã nhổ lên,
(Mũi tên của tham ái Đức Phật đã nhổ ra cho ông ấy rồi)**

**Con đánh lễ Đại Hùng,
Bậc thân tộc mặt trời.**

**Như kính chư Phạm thiên,
Chúng con cũng như vậy;**

**Nay chúng con kính Ngài,
Cùng tự thân đánh lễ.**

Tức là ông nói lại là: Giống như chư Thiên mà kính lễ các vị Phạm Thiên (tức là cõi trời Sắc giới). Thì chúng con cũng kính Ngài (kính Phật) như vậy đó. Cho nên cùng tự thân đánh lễ.

**Ngài là bậc Chánh Giác,
Bậc Đạo Sư vô thượng,
Trong đời cùng chư Thiên,
Không một ai bằng Ngài!**

(Không có ai bằng Đức Phật hết).

[Đoạn 41: Vua trời Đế-Thích cảm ơn và hứa với vị thiên Pañcasikhā]

Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pañcasikhā, con của Càn-thát-bà:

Quý vị có nhớ vị này không ạ? Vị này lúc đầu hát tán thán Phật, rồi kể câu chuyện tình của vị này thích cô Thiên nữ kia, mà cô Thiên nữ kia lại yêu một người khác đó. Thì bây giờ ông Thiên chủ mới nói nè:

- Nay khanh Pañcasikhā, ông đã giúp ta nhiều việc. Trước nhờ ông làm Thế Tôn bằng lòng; sau khi ông làm Thế Tôn bằng lòng, ta mới có thể đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ta sẽ xem ông như con, ông sẽ trở thành Vua loài Càn-thát-bà. Ta sẽ trao cho ông Bhaddā Suriyavaccasā, người mà ông hằng mong ước.

Tức là ông cảm ơn, nói là bởi vì nhờ vị này giúp nhiều việc, quan trọng là đã tới đánh đàn, hát, mở đầu cho cuộc gặp gỡ với Đức Phật. Nhờ

đó mà ông gặp được Đức Phật, và bây giờ ông nói là ông xem vị đó như con luôn. Rồi ông ban cho chức vua Càn-thát-bà (tức là chủ của nhạc thần), thăng chức cho vị đó làm vua luôn. Tại vì ông là vua cõi Trời rồi mà, giờ ông muốn cho ai làm vua [cũng được], gọi là chức Bộ trưởng Bộ đàn hát, thì bỏ nhiệm thôi, bỏ nhiệm vị này là Bộ trưởng.

Rồi không chỉ vậy, ông còn hứa là sẽ trao cho vị đó cô Thiên nữ mà vị đó thích, mong ước bao lâu không được, [giờ được] hứa luôn. Quý vị thấy hay không ạ? Hứa rồi, không biết có được không, nhưng hứa là chắc được, vua trời Đế Thích hứa mà. Bậc Tu-đà-hoàn mà hứa là làm chứ. Cho nên câu chuyện này, bản tình ca này cũng hay, kết thúc có hậu nha!

[Đoạn 42: Vua trời Đế-Thích tán thán Đức Phật]

Rồi Thiên chủ Sakka lấy tay chạm đất, thốt lên ba lần bài kệ cảm hứng như sau:

**Đảnh lễ đáng Thế Tôn,
Bậc La-hán, Chánh Giác!
Đảnh lễ đáng Thế Tôn,
Bậc La-hán, Chánh Giác!
Đảnh lễ đáng Thế Tôn,
Bậc La-hán, Chánh Giác!**

[Đoạn 43: Kết thúc bài kinh]

Trong khi lời giải đáp này được tuyên thuyết, **Pháp nhãn thanh tịnh, vô cấu khởi lên** nơi **Thiên chủ Sakka**: "**Phàm pháp gì có sanh khởi, pháp ấy đều có hoại diệt**".

Tức là ‘*chư hạnh vô thường, là pháp sanh diệt*’, các pháp nào có sanh thì sẽ có diệt. Tức là ở trong bản này khác với bản của ngài Minh Châu, chỗ này là: “*Trong khi lời giải đáp này được tuyên thuyết, Pháp nhãn thanh tịnh, vô cấu khởi lên nơi Thiên chủ Sakka*”. Tức là ông đắc Tu-đà-hoàn khi [được Đức Phật] giải đáp mấy câu hỏi đó, chứ không phải là hết bài Kinh nha! Không phải hết Kinh này thì ông mới chứng Tu-đà-hoàn, mà ông chứng Tu-đà-hoàn từ giữa kinh rồi. Quý vị nghe đoạn trên thì chúng ta biết mà đúng không ạ? Khi ông nghe câu giải đáp xong là ông chứng Tu-đà-hoàn rồi, chứ không phải là hết bài Kinh này. Cho nên trong bản kinh này dịch nhằm đó, chúng ta coi là bản Pali rõ ràng như vậy đó. Vì vậy hãy để ý nha! "*Phàm pháp gì có sanh khởi, pháp ấy đều có hoại diệt*".

Ngoài ra, tám vạn chư Thiên (tức là 80.000 chư Thiên) **cũng chứng quả tương tự** (tức là cũng chứng quả Tu-đà-hoàn).

Cho nên chư Thiên có chứng quả không quý vị? Chứng nhiều đó chứ! Một ông vua trời Đế Thích chứng, 80.000 chư Thiên chứng quả, hơn cõi Người. Nội pháp hội này là hơn cõi Người, quý vị kiếm đâu ra tại Ấn Độ 80.000 người chứng, [không] dễ vậy đúng không? Khó đó! Cho nên đây là một pháp hội, còn những pháp hội khác nữa, vì vậy rất nhiều chư Thiên chứng quả. Chứ đừng có nghe mấy tổ Trung Hoa nói là lên cõi Trời không có tu được, là sai lầm! Vua trời Đế Thích chứng quả, 80.000 chư

Thiên chứng quả, trong kinh này còn có hai vị Tỳ-kheo ở cõi Người không chứng, lên cõi Trời làm thần nhạc, sau đó tu hành chứng tiếp. Cho nên nghe như vậy thì chúng ta thấy tuyệt vời, tuyệt vời và tuyệt vời. Cho nên là hãy nghe cho kỹ! “*Tám vạn chư Thiên cũng chứng quả tương tự*”. (Đây là bản dịch của ngài Minh Châu, nếu dịch ra là cũng chứng Pháp nhãn thanh tịnh).

Những câu hỏi mà Thiên chủ Sakka được mời hỏi đã được Thế Tôn giải đáp. Do vậy, lời thuyết giải này cũng được gọi là "Những Câu Hỏi Của Sakka (Đế-Thích Sở Vấn).

Chúng ta có nhớ được bài Kinh này không ạ? Rất tuyệt vời! Bài Kinh này rất hay! Nhiều người nghe cái tên ‘Đế Thích Sở Vấn’ chẳng liên quan đến mình, nhưng thực tế là tu cũng được, và câu chuyện rất hay.

Bây giờ chúng ta ôn lại bài Kinh này, tóm tắt lại. Để cho dễ thì xin phép chia ra hai phần: một phần về câu chuyện và phần thứ hai về pháp hành. Chúng ta để riêng ra, để cho khỏi lẫn lộn.

Tổng kết bài Kinh Đế Thích Sở Vấn (Kinh 21 trong Kinh Trường Bộ)
về mặt câu chuyện:

[Trong phần bình luận] có vị nào hỏi: “Có phải Kinh Đại Nam gì đó không?” Không có nha! Ở đây là Kinh Trường Bộ, trong kinh tạng Nikaya nha! Về mặt câu chuyện như sau:

Thiên chủ Sakka cùng chư thiên đến hang Indasāla yết kiến Đức Phật, nhờ Pañcasikha đi trước đàn hát để tạo duyên cho cuộc gặp.

Trong cuộc trò chuyện, Sakka kể chuyện Gopikā, một nữ Cư sĩ dòng Sakya (tức là dòng họ Thích) sau khi chết tái sinh thành Gopaka (hai tên này khác nhau nhau nha! Ở trong bản dịch của ngài Minh Châu có nhầm đó, có hai tên [Gopikā và Gopaka] này khác nhau) thiên tử, con của Sakka. Gopaka gặp ba vị Tỳ-kheo trước kia mình từng kính trọng nhưng nay lại tái sinh làm Càn-thát-bà ở địa vị thấp hơn. Gopaka quở trách họ; hai vị tỉnh ngộ, vượt lên chứng Tam quả (A-la-hàm) và tái sinh về cõi Phạm Phụ thiên, còn một vị vẫn ở lại với dục lạc.

Sakka cũng kể rằng ông đã (từng) mang nhiều nghi vấn từ lâu, từng tìm đến những Sa-môn, Bà-la-môn sống viễn ly mà ông tưởng là bậc giác ngộ, nhưng họ không trả lời được; trái lại còn hỏi ông đã làm nghiệp gì mà trở thành Thiên chủ. Cuối cùng, khi gặp Đức Phật, những nghi vấn ấy mới được giải quyết.

Sau khi nghe Đức Phật giải đáp, Sakka đã chứng quả Tu-đà-hoàn, chuyển thân sang đời khác, tiếp tục làm vua trời Đế-Thích, ông nói mình đã chứng quả Dự lưu, không còn rơi vào đường ác và chắc chắn hướng đến giác ngộ (tức là chắc chắn sẽ đến quả A-la-hán). Và còn nói về những đời tái sinh tiếp theo: sau đời trời hiện tại sẽ có đời làm người (có thể chứng Nhị quả), rồi lại sinh về thiên giới tiếp tục làm vua trời; cuối cùng trời Sắc Cứu Cánh (Akaniṭṭha) (bản dịch của

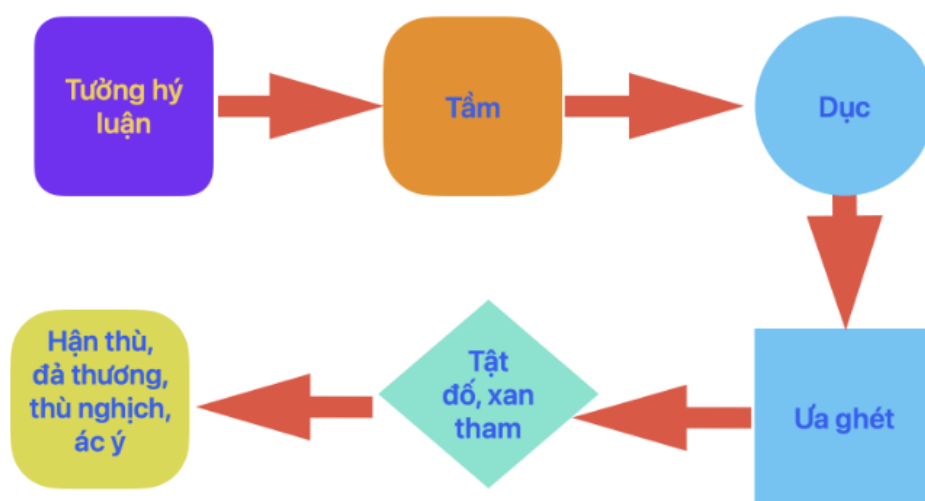
ngài Minh Châu là (Akaniṭṭha), là trời Sắc cứu cánh) sẽ là nơi an trú trong đời cuối cùng của dòng sinh tử.

Cuối cuộc gặp, Sakka cảm ơn Pañcasikha, hứa xem ông như con (tức là xem vị ấy như con), cho làm vua Càn-thát-bà và trao thiên nữ Bhaddā Suriyavaccasā cho ông. Sakka chạm tay xuống đất, ba lần đánh lễ Đức Phật. 80.000 vị thiên khác cũng chứng Sở quả Dự lưu.

Đó là câu chuyện nha, mình kể chuyện là kể như vậy. Còn bây giờ chúng ta tóm tắt về pháp hành trong Kinh này.

Tóm tắt bài Kinh Đế Thích Sở Vấn (Kinh 21 trong Kinh Trường Bộ) về mặt pháp hành

**Nhận diện từng bước của quá trình
sinh khởi phiền não**
(Theo Kinh Đế Thích Sở Vấn
trong Kinh Trường Bộ)



Thứ nhất là ở bài trước chúng ta đã học nhận diện từng bước của quá trình sinh khởi phiền não. Đó là tưởng hí luận dẫn đến Tầm -> Tầm dẫn đến Dục -> Dục đưa đến ưa ghét -> Ưa ghét dẫn đến tật đổ, xan tham -> Tật đổ, xan tham dẫn đến hận thù, đả thương, thù nghịch, ác ý. Vòng đó là nhận diện Phiền não. Quý vị thấy chỗ nào, mình nhìn ra chỗ đó là tốt, cố gắng đoạn trừ.

Đức Phật dạy Sakka rằng không phải mọi trạng thái **hỷ, ưu hay xả**, cũng như mọi **thân hành, khẩu hành và sự tìm cầu**, đều nên thân cận.

Nguyên tắc để quyết định rất rõ:

Nếu khi thân cận một pháp mà các bất thiện pháp tăng trưởng và các thiện pháp suy giảm thì nên tránh xa. Ngược lại, nếu bất thiện pháp suy giảm và thiện pháp tăng trưởng thì nên thân cận.

Trong những pháp nên thân cận, nếu có pháp **thù thắng hơn, cao quý hơn**, thì nên lựa chọn pháp thù thắng hơn. (Đó là pháp không Tầm không Tứ).

Nguyên tắc này cũng được áp dụng vào **hộ trì các căn**: đối với những gì mắt thấy, tai nghe và các đối tượng của giác quan, nếu sự tiếp xúc làm tăng bất thiện thì không nên chạy theo; nếu giúp thiện pháp tăng trưởng thì có thể thân cận.

Và tổng kết đơn giản, thật ra pháp hành chỉ cần nhớ bấy nhiêu thôi:

Tổng kết đơn giản:

Thiện tăng, bất thiện giảm → nên thân cận.

Bất thiện tăng, thiện giảm → nên tránh xa.

Như vậy thì chúng ta hiểu bài Kinh này, chỉ cần vậy thôi. Nhớ là điều gì làm thiện tăng, bất thiện giảm thì [thân cận].

Bài kinh này đơn giản vậy thôi, chúng ta đã chia sẻ hết rồi. Cũng có hơi quá giờ, nhưng cố gắng giảng hết bài kinh này. Hy vọng quý vị nghe đều hoan hỉ. Đó câu chuyện về vua trời Đế Thích rất hay. Trong bài kinh này có câu chuyện rất hay, để có thể kể cho những người khác nghe. Cho nên trong đường sanh tử, làm vua trời Đế Thích cũng ngon đó đúng không ạ? Ngon ở chỗ nào? Là chứng Tu-đà-hoàn rồi. Nhưng đổi thân lần nữa rồi cũng xuống cõi Người nha! Sau khi xuống cõi Người rồi mới lên làm vua trời Đế Thích tiếp. Trong Chú Giải nói là lên vua trời Đế Thích tiếp. Rồi sau đó mới lên cõi Sắc Cứu Cánh, rồi sau đó mới Niết-Bàn. Cho nên còn lâu lắm.

Cho nên tưởng giải quyết sanh tử dễ hả? Đó là chứng Tu-đà-hoàn, còn không chứng Tu-đà-hoàn thì còn khổ dài dài. Cho nên hãy cố gắng, mỗi người hãy tự ráng lên. Con đường có đi thì có đến nha! Đi đúng hướng sẽ đến, đi trật hướng thì càng ngày càng xa. Chánh pháp Thế Tôn khó gặp khó nghe. Bây giờ nghe được, gặp được rồi, mà không chịu nỗ lực thì coi như sau này uổng, hối hận không kịp nữa.

Cảm ơn quý vị! Hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

Chúng con nguyện đem công đức có được trong thời Pháp hôm nay, xin hồi hướng đến chư Thiên, chư Thần trú ngụ tại nơi đây, cũng như chư

Thiên, chư Thần Tứ Thiên Vương, Đế Thích, Đạo Lợi, Phạm Thiên. Nguyên mong các ngài hoan hỷ lãnh thọ.

Nguyên đem công đức này, hồi hướng đến tất cả chúng sanh, đều sớm thành Đạo quả.